

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG CHÀ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15/9/2023
V/v: “Ly hôn, tranh nuôi chấp con
khi ly hôn .

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Quàng Văn Xôm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Hiên**.
2. Ông **Khoàng Văn Hặc**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Chu Thị Chúc** – Thư ký Tòa
án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà tham gia phiên tòa:
Bà **Lê Thị Thuỳ Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện
Mường Chà, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn
nhân gia đình thụ lý số: 19/2023/TLST-HNGĐ, ngày 01/3/2023 về việc ly hôn,
tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
09/2023/QĐXX-ST ngày 08 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số:
03/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 25/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Sùng Thị M** - Sinh năm: 1998.

Bị đơn: Anh **Giàng A Đ** - Sinh năm: 1994.

Địa chỉ cùng trú tại: Bản D, xã S, huyện M, tỉnh Đ. Chị **Sùng Thị M** có
mặt, anh **Giàng A Đ** vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Trong đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 24 tháng 02 năm 2023, quá
trình giải quyết và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị Sùng Thị M
trình bày:**

Về hôn nhân: Tôi và anh **Giàng A Đ** quen biết và tìm hiểu nhau đến
ngày 14/3/2018 đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện M, tỉnh Đ trên cơ sở tự
nguyện. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ít, sau khi sinh con thứ
nhất thì lúc nào chồng tôi cũng chửi mắng tôi, bảo tôi muốn đi đâu thì đi không
thích tôi nữa, tôi cố chịu đựng cho đến khi tôi sinh tiếp hai đứa nữa thì xảy ra
mâu thuẫn nhiều hơn do khó khăn về kinh tế, tôi bảo với chồng là đã có con cái
rồi phải đi làm thuê để có tiền sửa chữa nhà cửa để ở, nên đến tháng 4 năm 2021
vợ chồng tôi cùng đi làm thuê được tiền về thì chồng tôi mang đi đánh lô đề, cờ
bạc hết tôi nói thì anh **Đ** chửi mắng tôi bảo là tôi nói nhiều nữa thì sẽ giết tôi.

Những mâu thuẫn ngày càng nhiều và trầm trọng hơn không thể tiếp tục chung sống với nhau được. Mặc dù mâu thuẫn đã được hai bên gia đình phân tích khuyên giải nhưng không mang lại kết quả. Tháng 01 năm 2022 đến nay chúng tôi sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay tôi xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, sống không có hạnh phúc, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung là Giàng A G, sinh ngày 02/6/2014, Giàng Thị Thủy N, sinh ngày 04/4/2016 và Giàng A M, sinh ngày 23/3/2018. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Giàng Thị Thủy N, tuy nhiên cháu N lại có nguyện vọng ở với bố nên tôi chấp nhận theo nguyện vọng của cháu và để anh Đ nuôi dưỡng cả cháu đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Tôi sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng cháu Ng 500.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên.

Về tài sản chung, riêng và công nợ: Tôi không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn sau khi Tòa án thụ lý vụ việc đã tiến hành các thủ tục, tổ tụng thống báo thụ lý, thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ ra xét xử, tiến hành niêm yết đảm bảo theo quy định của Bộ Luật tố tụng Dân sự, tuy nhiên bị đơn Giàng A Đ cố tình không hợp tác, không tham gia vào quy trình tố tụng nào của Tòa án.

Tại biên bản xác minh về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và điều kiện nuôi con của anh, chị thể hiện: Chị Sùng Thị M, sinh năm: 1998 và anh Giàng A Đ, sinh năm: 1994, có tìm hiểu và được hai gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Đến ngày 14/3/2018, anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện M, tỉnh Đ trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên giải để hai vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau nhưng không thành, anh chị không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau và sống ly thân từ tháng 1/2022 đến nay. Về con chung: Có 03 con chung là Giàng A G, sinh ngày: 02/6/2014; cháu: Giàng Thị Thủy N, sinh ngày: 4/4/2016; cháu: Giàng A M, sinh ngày: 23/3/2018. Xét về điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trông nom con chung. Chị M và anh Đ đều không có công việc làm ổn định, thu nhập không ổn định, tuy nhiên hiện tại các cháu đang ở cùng anh Đ, và bố mẹ anh Đ. Anh Đ có đủ sức khỏe lao động, sản xuất nên anh Đ là người có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hơn, anh Đ đi làm thuê mỗi tháng có 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng để chăm sóc các con.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm thủ tục tố tụng; cung cấp thông tin và tài liệu liên quan đến việc giải quyết vụ án theo quy định. Đối với bị đơn sau khi thụ lý vụ việc Tòa án đã tiến hành các thủ tục, tổ tụng thống báo thụ lý, thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải,

quyết định đưa vụ án đưa ra xét xử, tiến hành niêm yết đảm bảo theo quy định của Bộ Luật tố tụng Dân sự, tuy nhiên bị đơn cố tình không hợp tác, do vậy tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 71; Điều 72, 228 BLTTDS; Điều 8, 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 3 Điều 70; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84, 107, 110, 116, 117 của Luật HN&GD. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Sùng Thị M. Tuyên xử cho chị Sùng Thị M được ly hôn với anh Giàng A Đ.

Về con chung: Chị M Và anh Đ có 03 con chung là Giàng A G, sinh ngày 02/6/2014, Giàng Thị Thuỷ N, sinh ngày 04/4/2016 và Giàng A M, sinh ngày 23/3/2018, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận theo nguyện vọng của hai cháu và chị M là phù hợp. Giao 3 cháu Giàng A G, Giàng Thị Thuỷ N, Giàng A M cho anh Giàng A Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên 18 tuổi, ghi nhận việc chị Sùng Thị M cấp dưỡng nuôi cháu Giàng Thị Thuỷ N mỗi tháng 500.000 đồng/ tháng, cấp dưỡng hàng tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ: Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị M khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016 của UBNTQH. Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân, nuôi con khi ly hôn, nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại xã S, huyện M, tỉnh Đ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Mường Chà thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của BLTTDS.

Bị đơn sau khi Tòa án thụ lý vụ việc đã tiến hành các thủ tục, tố tụng thông báo thụ lý, thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, tiến hành niêm yết đảm bảo theo quy định của Bộ Luật tố tụng Dân sự, tuy nhiên bị đơn Giàng A Đ cố tình không hợp tác, không tham gia bất kể mọi quy trình tố tụng nào của Tòa án, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về hôn nhân:

[2]. Chị M và anh Đ sau khi tìm hiểu, được sự nhất trí của hai bên gia đình, tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương và đến đăng ký kết hôn ngày 14/3/2018 tại UBND xã S, huyện M, tỉnh Đ, trên cơ sở tự nguyện. Do

vậy đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân gia đình. Cuộc sống chung của chị M và anh Đ hòa thuận hạnh phúc cho đến đầu năm 2021 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng hơn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh, chị đã sống ly thân từ tháng 01/2022 cho đến nay không còn quan tâm cuộc sống của nhau nữa mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải. Điều này phù hợp với nội dung theo biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân và điều nuôi con khi ly hôn mà trưởng bản Dế Da và lãnh đạo UBND xã Sá Tổng nơi anh Đ và chị M cư trú. Tại phiên tòa chị M vẫn khẳng định vợ chồng không còn tình cảm và cương quyết xin ly hôn với anh Đ.

Từ những căn cứ nêu trên: Hội đồng xét xử xét thấy, giữa anh Đ và chị M không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị M đối với anh Đ.

Xét về con chung:

[3]. Chị M và Đ có 03 con chung là Giàng A G, sinh ngày 02/6/2014, Giàng Thị Thuỷ N, sinh ngày 04/4/2016 và Giàng A M, sinh ngày 23/3/2018. Theo nguyện vọng của hai cháu G và N, chị M cũng nhất trí giao cả 03 cháu cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả cháu đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Chị M sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng cháu N cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên.

Tại biên bản ghi lời khai của cháu Giàng A G và Giàng Thị Thuỷ N, ngày 06 tháng 6 năm 2023, các cháu đều có nguyện vọng ở với bố và ông, bà nội, anh, chị em các cháu không muốn xa nhau, đồng thời chị M cũng nhất trí theo nguyện vọng của các cháu. Vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi của các cháu nên giao cả 3 cháu cho anh Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cả ba cháu đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động và ghi nhận việc chị M sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng cháu N 500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên là phù hợp.

[4]. **Xét về tài sản chung, riêng và công nợ:** Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị M vẫn khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy HĐXX không đề cập xem xét.

[5] **Về án phí:** Chị Sùng Thị M là dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ vào khoản 1 điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016 của UBNTQH ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí HNGĐ và án phí người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị M.

Về ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, phù hợp với quan điểm của HĐXX nên có căn cứ cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 71; Điều 72, khoản 3 Điều 228 BLTTDS; Điều 8; 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 58; khoản 3 Điều 70; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật HN&GD năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Sùng Thị M. Chị Sùng Thị M được ly hôn với anh Giàng A Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Giàng A G, sinh ngày 02/6/2014, Giàng Thị Thuỷ N, sinh ngày 04/4/2016 và Giàng A M, sinh ngày 23/3/2018 cho anh Giàng A Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba cháu đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Ghi nhận việc Sùng Thị M có trách nhiệm cấp dưỡng cháu N 500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N đủ tuổi thành niên, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Chị M có quyền gặp gỡ, thăm hỏi các con không ai được cản trở; quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau khi ly hôn, Tòa án xem xét và quyết định khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung, riêng và nợ chung, riêng: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016 của UBNTQH ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí HNGĐ và án phí người có nghĩa cấp dưỡng nuôi con cho chị M.

Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 BLTTDS, nguyên đơn có được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/9/2023). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- P.KT NV– THA TAND tỉnh Đ;
- Viện kiểm sát huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Quàng Văn Xôm